



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

★ CHUYÊN NGÀNH: KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ

MÃ SỐ: 9.52.02.03

*(Ban hành kèm theo Quyết định số.../QĐ-HV ngày...tháng...năm 2021
của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông)*

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Thông tin về chương trình đào tạo

1.1 Tên chuyên ngành đào tạo:

- Tiếng Việt: Kỹ thuật Điện tử
- Tiếng Anh: Electronic Engineering

1.2 Mã số chuyên ngành đào tạo: 9.52.02.03

1.3 Trình độ đào tạo:

- Tiến sĩ

1.4 Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:

- Tiếng Việt: Tiến sĩ Kỹ thuật Điện tử
- Tiếng Anh: The Degree of Doctor of Philosophy in Electronic Engineering

1.5 Đơn vị đào tạo:

- Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình nhằm đào tạo các tiến sĩ chuyên ngành Kỹ thuật Điện tử với nền tảng các khoa học, kỹ thuật và các công nghệ liên quan, có khả năng tự nghiên cứu suốt đời, đóng góp cho sự phát triển của chuyên ngành và của quốc gia.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Phát triển kiến thức và kỹ năng cần có của một chuyên gia trong chuyên ngành Kỹ thuật Điện tử.

- Phát triển khả năng hiểu biết, vận dụng và sáng tạo khoa học cơ bản, toán học và khoa học công nghệ vào thực tiễn của chuyên ngành Kỹ thuật Điện tử.

- Cung cấp cho nghiên cứu sinh khả năng làm việc theo nhóm và khả năng tự nghiên cứu.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1 Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển theo quy định của Học viện Công nghệ Bru chính Viễn thông.

3.2 Đối tượng và điều kiện dự tuyển

a) Đã tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành phù hợp hoặc gần với chuyên ngành Kỹ thuật Điện tử; hoặc đã tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên ngành phù hợp với chuyên ngành Kỹ thuật Điện tử.

Danh mục các ngành, chuyên ngành phù hợp, gần với chuyên ngành dự tuyển trình độ tiến sĩ Kỹ thuật Điện tử được trình bày trong Phụ lục I.

b) Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và của chương trình đào tạo tiến sĩ đăng ký dự tuyển.

c) Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ.

d) Có dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.

3.2.2 Năng lực ngoại ngữ

Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài.

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp.

c) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ (quy định tại Phụ lục II) còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục Đào tạo công bố.

Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai do Học viện quy định, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

4. Thời gian đào tạo: 04 năm (48 tháng) - Hình thức đào tạo chính quy.

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Về kiến thức

1.1 Kiến thức chung

- Có hiểu biết sâu sắc về phương pháp nghiên cứu khoa học, tư duy logic biện chứng trong việc đặt và giải quyết các vấn đề.

1.2 Kiến thức ngành/chuyên ngành

- Nắm vững các kiến thức nền tảng cơ bản về Kỹ thuật Điện tử, vật lý và toán học.

- Am hiểu về lĩnh vực chuyên môn và cập nhật những kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực Kỹ thuật Điện tử.

- Có các khả năng phân tích đánh giá các kiến thức chuyên ngành điện tử; có kỹ năng phát hiện vấn đề hay nêu câu hỏi có ý nghĩa cho nghiên cứu và từ đó phát hiện những kết quả mới trong lý thuyết cũng như thực tiễn góp phần làm giàu kho trí thức của chuyên ngành.

- Có khả năng chứng minh tính đúng đắn và bảo vệ được các kết quả đề xuất bằng lý thuyết cũng như kiểm nghiệm bằng thực nghiệm, mô phỏng.

1.3 Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ

- Luận án phải là một công trình nghiên cứu khoa học sáng tạo, có đóng góp về mặt lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực nghiên cứu hoặc giải pháp mới có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu, giải quyết sáng tạo các vấn đề của chuyên ngành Kỹ thuật Điện tử và thực tiễn xã hội.

- Luận án phải thể hiện sự hiểu biết sâu sắc về kiến thức và phương pháp tiến hành nghiên cứu; Luận án phải được trình bày một cách chặt chẽ, khoa học và thuyết phục.

- Nghiên cứu sinh là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục WoS/Scopus, hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên theo ngành đào tạo, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả), có liên quan và đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án.

Yêu cầu về công bố này có thể được thay thế bằng minh chứng là tác giả hoặc đồng tác giả của 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia, quốc tế có liên quan và đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án.

2. Về kỹ năng

- Có kỹ năng độc lập nghiên cứu, phát hiện vấn đề và giải quyết vấn đề.
- Có kỹ năng phân tích đánh giá một cách khoa học các luận điểm, các kết quả đã đạt được trong các công trình nghiên cứu trước đây có liên quan đến đề tài nghiên cứu.
- Có kỹ năng hướng dẫn sinh viên hoặc học viên cao học tham gia nghiên cứu khoa học.
- Có kỹ năng lãnh đạo, thuyết phục người khác trong quá trình giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn.
- Có kỹ năng trình bày và bảo vệ luận án, trình bày kết quả nghiên cứu trong các hội thảo khoa học quốc gia và quốc tế.
- Có kỹ năng thiết kế và tổ chức tiến hành một công trình nghiên cứu.

3. Về năng lực của người học sau khi tốt nghiệp

- Nghiên cứu sinh sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo tiến sĩ có khả năng độc lập giải quyết những vấn đề nghiên cứu cơ bản cũng như ứng dụng trong lĩnh vực Kỹ thuật Điện tử.
- Nghiên cứu sinh sau khi tốt nghiệp tiến sĩ có khả năng giảng dạy và nghiên cứu tại các trường đại học, cao đẳng, các cơ quan nghiên cứu, các cơ sở sản xuất, kinh doanh liên quan đến lĩnh vực Kỹ thuật Điện tử.
- Có khả năng truyền đạt thông tin bằng cách giảng bày, soạn thảo báo cáo khoa học, tham gia và phát biểu trong các hội thảo khoa học, bình duyệt nghiên cứu của đồng nghiệp.
- Có năng lực am hiểu tiếng Anh, và có khả năng sử dụng hay ứng dụng các kỹ thuật trong công nghệ thông tin.

4. Về phẩm chất đạo đức

4.1 Phẩm chất đạo đức cá nhân

- Trung thực, năng động, khiêm tốn.
- Ham tìm hiểu và học tập suốt đời.
- Có trách nhiệm với xã hội và tuân thủ luật pháp.

4.2 Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

- Có đạo đức nghề nghiệp (trung thực, trách nhiệm và đáng tin cậy).
- Hành xử chuyên nghiệp, trung thành với tổ chức.
- Nhiệt tình, say mê công việc.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Cấu trúc chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Kỹ thuật Điện tử gồm các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ (có khối lượng 16 tín chỉ), nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ (có khối lượng 80 tín chỉ).

STT	Nội dung đào tạo	Đối tượng	Số tín chỉ	Thời gian thực hiện	Ghi chú
I. Các học phần bổ sung					
1	Các học phần ở trình độ thạc sĩ chuyên ngành Kỹ thuật Điện tử của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	Nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ	≥ 30	Trong 24 tháng đầu của thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ	
2	Các học phần trọng tâm ở trình độ thạc sĩ chuyên ngành Kỹ thuật Điện tử của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	Nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ ở chuyên ngành gần, hoặc chuyên ngành phù hợp nhưng đã tốt nghiệp quá 15 năm	Theo quy định của Học viện	Trong 24 tháng đầu của thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ	
II. Các học phần ở trình độ tiến sĩ			16		
3	Các học phần bắt buộc	Tất cả nghiên cứu sinh	6	Trong 12 tháng đầu của thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ	
4	Các học phần tự chọn	Tất cả nghiên cứu sinh	2		
5	Chuyên đề 1	Tất cả nghiên cứu sinh	2	Trong 18 tháng đầu của thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ	
6	Chuyên đề 2	Tất cả nghiên cứu sinh	2		
7	Chuyên đề 3	Tất cả nghiên cứu sinh	2		
8	Tiểu luận tổng quan	Tất cả nghiên cứu sinh	2	Trong 24 tháng đầu của thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ	
III. Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ			80		
9	Luận án tiến sĩ: - Bảo vệ cấp cơ sở - Bảo vệ cấp Học viện	Tất cả nghiên cứu sinh	80	Trong thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ	
Tổng cộng (II và III):			96		

2. Các học phần ở trình độ tiến sĩ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết	Ghi chú
				Lý thuyết	Thực hành/ Bài tập/ Thảo luận	Tự học		
I	Các học phần bắt buộc		6					
1	IGF5401	Học thuật hóa các bài toán kỹ thuật <i>Scientific Approaches to Technical Matters</i>	2	24	6	90		
2	ELE5401	Công cụ toán nâng cao cho điện tử - viễn thông <i>Advanced Mathematic Tools for Electronics - Telecommunications</i>	2	24	6	90		
3	ELE5402	Mật mã học và ứng dụng <i>Cryptography and Applications</i>	2	24	6	90		
II	Các học phần tự chọn (Chọn 1 trong 5 học phần)		2					
4	ELE5403	Các công nghệ điện tử mới <i>Modern Electronic Technologies</i>	2	24	6	90		
5	ELE5404	Một số vấn đề khoa học công nghệ và kỹ thuật điện tử <i>Selected Topics on Electronic Techniques and Technologies</i>	2	24	6	90		
6	ELE5405	Lý thuyết thông tin và mã hóa <i>Information Theory and Coding</i>	2	24	6	90		
7	TEL5401	Lý thuyết độ tin cậy <i>Reliable Theory</i>	2	24	6	90		

Phg

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết	Ghi chú
				Lý thuyết	Thực hành/ Bài tập/ Thảo luận	Tự học		
8	TEL5405	Xử lý tín hiệu nâng cao cho truyền thông vô tuyến <i>Advanced Signal Processing for Wireless Communications</i>	2	24	6	90		

Phy

3. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

STT	Nội dung đào tạo	Yêu cầu	Thời gian thực hiện	Số tín chỉ
1	Các học phần bổ sung	Theo quy định của Học viện	Trong 24 tháng đầu	
	Các học phần ở trình độ tiến sĩ:			16
	Các học phần bắt buộc		Trong 12 tháng đầu	6
2	Các học phần tự chọn		Trong 12 tháng đầu	2
	Chuyên đề 1	Theo yêu cầu của người hướng dẫn khoa học	Trong 18 tháng đầu	2
	Chuyên đề 2	Theo yêu cầu của người hướng dẫn khoa học	Trong 18 tháng đầu	2
	Chuyên đề 3	Theo yêu cầu của người hướng dẫn khoa học	Trong 18 tháng đầu	2
	Tiểu luận tổng quan	Theo yêu cầu của người hướng dẫn khoa học	Trong 24 tháng đầu	2
3	Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ	Theo quy định của Học viện	Trong thời gian đào tạo tiến sĩ	80

Ph

PHỤ LỤC I

DANH MỤC CÁC NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH PHÙ HỢP, GÁN DỰ TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ

TT	Chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ		Chuyên ngành thạc sĩ phù hợp	Chuyên ngành thạc sĩ gần	Ghi chú
	Tên chuyên ngành	Mã số			
1	Kỹ thuật điện tử	9.52.02.03	Kỹ thuật điện tử	Kỹ thuật điện	
			Kỹ thuật rada - dẫn đường	Kỹ thuật máy tính	
			Kỹ thuật viễn thông	Vật lý vô tuyến và điện tử	
			Kỹ thuật mật mã	Kỹ thuật cơ điện tử	
			Kỹ thuật y sinh		
			Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		

Ghi chú: Người có bằng thạc sĩ các chuyên ngành gần phải học bổ sung kiến thức sau khi trúng tuyển nghiên cứu sinh.

PHỤ LỤC II

DANH SÁCH MỘT SỐ CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI MINH CHỨNG CHO TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ CỦA NGƯỜI DỰ TUYỂN

STT	Ngôn ngữ	Bảng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
2	Tiếng Pháp	Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
		CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên
5	Tiếng Nhật	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
6	Tiếng Nga	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
		ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКН-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên

ng